

VỐN FDI Ở BÌNH THUẬN TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. Phan Xuân Cường

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp.HCM

Ngày gửi bài: 15/4/2016

Ngày chấp nhận đăng: 17/6/2016

TÓM TẮT

Mục tiêu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) ở Việt Nam là đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt được mục tiêu trên đòi hỏi các địa phương trong cả nước phải tích cực và chủ động thực hiện chiến lược đã đề ra, chính vì vậy Bình Thuận không ngừng nỗ lực trong việc huy động nguồn lực trong nước và nước ngoài nhằm góp phần đẩy nhanh quá trình này. Việc đánh giá thực trạng thu hút vốn FDI trong thời gian qua ở Bình Thuận là hết sức cần thiết, nhằm đưa ra các giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI ở địa phương này.

ABSTRACT

The process of industrialization and modernization in Vietnam aims at a basically industrialized and modernized country in 2020. To achieve this goal, local authorities are required to implement the planned strategies positively and actively. Hence, Binh Thuan province makes relentless efforts to mobilize domestic resources and investments from foreign countries in order to accelerate this process. The assessment of current situation in attracting FDI in recent years in Binh Thuan is essential because it provides appropriate solutions to further improve the quality, the efficiency and the application of FDI in this province.

Từ khóa: FDI, Bình Thuận, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là nước đang phát triển và tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước với mục tiêu đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để biến mục tiêu thành hiện thực thì đòi hỏi chính phủ phải có những chính sách thích hợp nhằm huy động tổng thể các nguồn vốn trong nước cũng như nước ngoài vào phát triển kinh tế. Một trong những nguồn vốn giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu CNH, HĐH đất nước là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài

Theo Luật Đầu tư Việt Nam năm 2005 thì: “Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư”, theo Luật này, ở khoản 12 điều 3: “Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư” trong đó nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài bỏ vốn để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

2.2. Thực trạng thu hút vốn FDI ở Bình Thuận

2.2.1. Giai đoạn 1988 – 2004:

Năm 1988 là bắt đầu cho một giai đoạn mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài của nước ta (với sự ra đời của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987). Tuy nhiên, thời kỳ này hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài chỉ chú ý đến các thành phố lớn phát triển, còn đối với Bình Thuận - một tỉnh nghèo ven biển miền Trung thì vẫn chưa thu hút được nhiều. Tuy nhiên mãi đến năm 1992, dự án đầu tư FDI đầu tiên mới được cấp phép. Cho đến năm 2004 toàn tỉnh chỉ có 35 dự án đầu tư FDI còn hiệu lực, trong đó chủ yếu số dự án là thuộc lĩnh vực du lịch (15 dự án), công nghiệp (9 dự án), thủy sản (8 dự án) với đối tác đầu tư chủ yếu là

Hoa Kỳ và Hàn Quốc. (Xem bảng 1)

Bảng 1: Dự án FDI giai đoạn 1992 – 2004

	Số dự án	Tổng số vốn đăng ký (Triệu đô la Mỹ)	Vốn pháp định (Triệu đô la Mỹ)
TỔNG SỐ - TOTAL	35	129,161	47,606
Phân theo ngành kinh tế			
Nông, Lâm nghiệp	1	1,500	0,500
Thủy sản	8	9,370	5,045
Công nghiệp	9	13,174	6,624
Xây dựng	1	1,400	1,000
Khách sạn, du lịch	15	90,717	31,737
Văn hoá, Thể thao, Y tế, Giáo dục	1	13,000	2,700
Phân theo hình thức đầu tư			
Liên doanh	7	12,867	5,667
100% vốn nước ngoài	28	116,294	41,939

Nguồn: Cục thống kê Bình Thuận

Trong giai đoạn này có những lúc vốn FDI của Bình Thuận bị chững lại vào những năm 1997, 1998 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á. Những năm đầu thế kỷ XXI, vốn FDI vào Bình Thuận bắt đầu phục hồi và đã có những đóng góp rất đáng kể như tạo việc làm, xuất khẩu...

Bảng 2: Lao động trong doanh nghiệp FDI phân theo ngành kinh tế và đối tác đầu tư

Đơn vị: người

Phân theo ngành kinh tế	2001	2002	2003	2004
Tổng số - total	795	946	1170	1392
Nông, Lâm nghiệp	98	153	327	272
Thủy sản	106	79	73	185
Công nghiệp	74	115	159	213
Xây dựng	-	-	20	30
Khách sạn, du lịch	398	478	470	567
V.hoá, Thể thao, Y tế, G. dục	119	121	121	125

Nguồn: Cục thống kê Bình Thuận

Nhìn chung, theo bảng 2 thì với sự tăng lên về số lượng các dự án FDI hoạt động ở Bình Thuận thì số lượng lao động hoạt động trong khu vực này ngày càng tăng, năm 2001 chỉ mới có khoảng gần 800 lao động trong khu vực này thì ban năm sau đến 2004 số lao động trong khu vực FDI đã tăng gần gấp đôi. Chủ yếu lao động làm trong những ngành là thế mạnh của tỉnh như du lịch, thủy sản, nông lâm nghiệp. Nếu nhìn từ khía cạnh đối tác đầu tư thì ngày càng có nhiều sự đa dạng lao động trong các nhà đầu tư, tuy nhiên các đối tác thu hút lao động nhiều nhất là Đài Loan, Mỹ, Pháp. Bên cạnh đó, doanh thu của các doanh nghiệp có nguồn vốn FDI trong giai đoạn 2001 – 2004 tăng nhanh đáng kể (Xem hình 1). Cùng với sự tăng lên về doanh thu thì sự đóng góp về xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI cũng tăng lên rất nhanh, năm 2001 chỉ mới xuất khẩu đạt 1,956 triệu USD thì đến 2004 đã đạt 7, 930 triệu USD.

2.3. Giai đoạn 2005 – 2013

2.3.1. Quy mô vốn FDI trên một dự án

Nhìn chung các dự án FDI vào Việt Nam đều có qui mô vừa và nhỏ, Bình Thuận cũng không ngoại lệ. Nhìn tổng thể chung thì trong giai đoạn 2005 – 2013, địa phương này luôn có sự tăng lên về số lượng dự án FDI. Tuy nhiên quy mô vốn trên một dự án được cấp phép qua từng năm thì chủ yếu là những dự án với vốn đầu tư thấp chủ yếu là dưới 10 triệu USD, ngoại trừ năm 2007, 2008, 2010 vì đây là giai đoạn Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) nên môi trường đầu tư thay đổi tạo cơ hội cho rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài. (Xem bảng 3). Những năm 2005, 2006, 2007 khi chưa gia nhập WTO thì đầu tư FDI ở Bình Thuận rất hạn chế, quy mô dự án nhỏ khoảng dưới 5 triệu USD, sau đó quy mô dự án tăng lên rất nhanh, cao nhất là năm 2010, quy mô trung bình một dự án đạt 21 triệu USD. Tuy nhiên sau đó thì quy mô trung bình dự án FDI có xu hướng giảm dần và đây là điều đáng lo ngại cần xem xét.

Bảng 3: Quy mô vốn FDI trên một dự án

Năm	Dự án còn hiệu lực	Tổng vốn FDI	Quy mô vốn/ 1 DA còn HL	Dự án được cấp phép	Vốn FDI của Dự án được cấp phép	Quy mô vốn/ 1 DA ĐCP
2005	41	171.932	4.193			
2006	45	200.480	4.455			
2007	56	428.538	7.652	12	227.099	18.925
2008	64	937.861	14.654	11	515.053	46.823
2009	74	1,081.070	14.609	13	125.680	9.668
2010	78	1,683.760	21.587	10	609.230	60.923
2011	91	1,687.900	18.548	14	14.640	1.046
2012	92	1,732.590	18.833	6	40.800	6.800
2013	92	1,614.260	17.546	10	10.980	1.098

Nguồn: Cục thống kê Bình Thuận

2.3.1.1. Cơ cấu vốn FDI phân theo ngành kinh tế

Bảng 4: Dự án FDI phân theo ngành kinh tế còn hiệu lực đến 2013

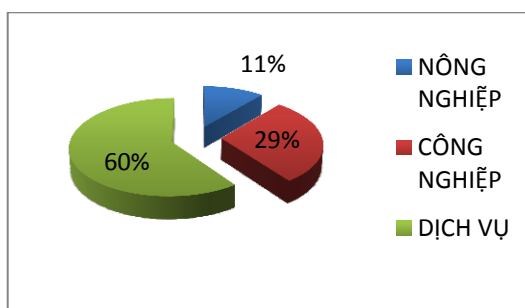
Ngành	Số dự án	Tổng số vốn. (Triệu USD)
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	11	31, 41
Công nghiệp khai khoáng	4	21,87
Công nghiệp chế biến, chế tạo	19	92,52
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải	2	10,35
Xây dựng	2	10,03
Bán buôn và bán lẻ sửa chữa ô tô, mô tô	1	30
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	29	1.413,67
Nghệ thuật vui chơi và giải trí	15	3,51

Ngành	Số dự án	Tổng số vốn. (Triệu USD)
Hoạt động dịch vụ khác	11	0,6
Tổng số	94	1.614, 26

Nguồn: Cục thống kê Bình Thuận

ĐTTT nước ngoài vào Bình Thuận thời gian qua chủ yếu tập trung vào các ngành dịch vụ, đây là một trong những ngành có thế mạnh của tỉnh. Do vậy, thu hút nhiều dự án ĐTTT nước ngoài vào ngành “Công nghiệp không ống khói” sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở Bình Thuận.

Qua bảng số liệu ta thấy từ số dự án ĐTTT nước ngoài đầu tư vào ngành dịch vụ chiếm 59% số dự án và gần 90% vốn đầu tư. Có thể nói, đây là lĩnh vực được các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm, (do nó có đặc điểm thu hồi vốn nhanh và tỉ suất sinh lời cao) nguồn vốn này góp phần làm cho cơ sở vật kỹ thuật của tỉnh ngày càng hiện đại và tạo nhiều việc làm cho người lao động.



Hình 1. Cơ cấu vốn FDI tại Bình Thuận theo ngành kinh tế

Nguồn: Cục thống kê Bình Thuận

Sau ngành dịch vụ, ngành công nghiệp cũng thu hút được nhiều dự án ĐTTT nước ngoài chiếm 29% số dự án và 8,35% vốn đầu tư, nhưng nó lại đóng vai trò to lớn trong quá trình đẩy nhanh quá trình CNH của tỉnh. Không những thế vốn đầu tư vào các dự án này còn thấp (chỉ có 5 triệu USD/ dự án), nên như vậy thì ngành công nghiệp Bình Thuận khó đi tắt đón đầu để có thể tiếp nhận được các công nghệ hiện đại từ các nước phát triển.

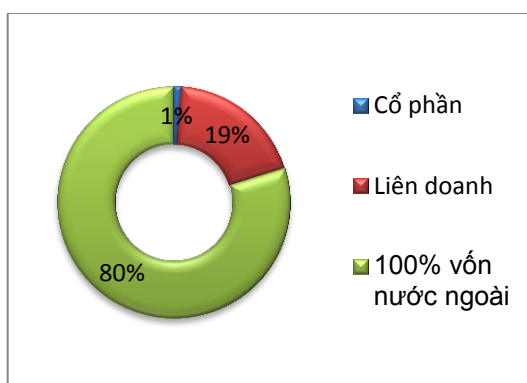
Trong các lĩnh vực đầu tư thì ngành nông nghiệp có số vốn đầu tư chỉ chiếm (2,0%) nhưng đây là lĩnh vực cần vốn và kỹ thuật cao để làm cơ sở cho quá trình CNH, HĐH ở Bình Thuận. Vì vậy, muốn phát triển nông nghiệp thì đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn về vốn, kỹ thuật, công nghệ nhưng lại thiếu các dự án ĐTTT nước ngoài (vì đầu tư vào nông nghiệp gặp nhiều rủi ro). Đây là một bài toán nan giải cho chính quyền tỉnh trong việc kêu gọi đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp.

Tuy vậy, nếu chỉ xem xét đơn thuần trên số liệu thống kê về vốn ĐTTT nước ngoài vào các ngành như trên, có thể dễ làm cho ta thấy sự phù hợp tương đối của các chỉ số này với yêu cầu về cơ cấu của một nền kinh tế hiện đại. Tuy nhiên, trong điều kiện ở giai đoạn đầu tiên hành CNH, HĐH và với đặc trưng của nền kinh tế nông nghiệp nhiệt đới đang là một thế mạnh của Bình Thuận thì thu hút ĐTTT nước ngoài vào lĩnh vực này như hiện nay đang là một vấn đề cần suy nghĩ và điều chỉnh. Sỡ dĩ như vậy là vì đối với Bình Thuận, nông nghiệp là một trong những lĩnh vực có tiềm năng mà tỉnh chưa có điều kiện khai thác tốt. Và từ đặc điểm phân bố dân cư, lao động, việc làm như hiện nay thì sự thành công trong phát

triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ thành công của sự nghiệp CNH, HĐH.

Có thể nói vấn đề thu hút vốn đầu tư theo ngành kinh tế là vấn đề khá nhạy cảm đối với cả người đầu tư lẫn nơi nhận đầu tư. Vì vậy để phát triển nền kinh tế đi đúng hướng, đi nhanh vào quá trình CNH, HĐH đòi hỏi tỉnh Bình Thuận phải có những chiến lược quy hoạch thích hợp vừa đảm bảo thu hút được nhiều vốn đầu tư, vừa đảm bảo phát triển đúng hướng cho nền kinh tế. Do vậy, đòi hỏi các cơ quan ban ngành của tỉnh phải có sự phối kết hợp trong vấn đề cấp phép đầu tư vừa tạo thuận lợi cho nhà đầu tư nhưng cũng đồng thời tạo điều kiện cho nền kinh tế Bình Thuận phát triển bền vững.

2.3.1.2. Về hình thức FDI tại Bình Thuận



Hình 2. Hình thức ĐTTT nước ngoài tại Bình Thuận theo dự án

Nguồn: Cục thống kê Bình Thuận

Từ khi thực hiện chính sách thu hút vốn ĐTTT nước ngoài đến nay ở Bình Thuận có hai hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài đó là: liên doanh và 100% vốn nước ngoài và bắt đầu năm 2011 có thêm hình thức mới là công ty cổ phần nhưng số lượng rất hạn chế cụ thể vào năm 2013 chỉ có 1 doanh nghiệp cổ phần FDI, liên doanh chỉ chiếm 18 % số dự án và 36% tổng số vốn ĐTTT nước ngoài tại Bình Thuận. Vốn bình quân một dự án liên doanh đạt 32,4 triệu USD, tỷ trọng doanh nghiệp FDI dưới hình thức liên doanh ngày càng giảm và đây là một khó khăn cho Bình Thuận trong quá trình CNH, HĐH.

Nhìn chung, các hình thức ĐTTT nước ngoài của Bình Thuận tương đồng với các hình thức ĐTTT nước ngoài của cả nước. Số dự án 100% vốn nước ngoài luôn chiếm ưu thế tuyệt đối trong các hình thức đầu tư. Vì hình thức này đảm bảo được quyền quản lý trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài đối với các hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, tạo được sự yên tâm khi đầu tư. Còn các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO đây là những dự án đầu tư vào kết cấu hạ tầng tạo điều kiện thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nhưng tỉnh lại không thu hút được dự án nào, đây là vấn đề cần phải suy nghĩ trong tiếp nhận đầu tư nước ngoài của tỉnh Bình Thuận.

Từ năm 1993 VN bắt đầu áp dụng hình thức “Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao” (BOT) cho đến nay hình thức đầu tư này ở Bình Thuận chưa thu hút được dự án nào. Nguyên nhân là do hình thức đầu tư này có phạm vi áp dụng hẹp, điều kiện thực hiện phức tạp, nên mất nhiều thời gian để giải quyết những thủ tục ban đầu như: hoàn chỉnh việc đàm phán, ký kết hợp đồng, phương án tài chính, thực hiện giải phóng mặt bằng... Không những thế, đây lại là hình thức mới, phía Việt Nam còn ít kinh nghiệm nên tiến độ triển khai

các dự án còn chậm hơn các hình thức khác. Nhưng đây là hình thức đầu tư rất cần cho sự phát triển kết cấu hạ tầng của Bình Thuận để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH. Chính vì vậy chính quyền tỉnh cần tích cực kêu gọi đầu tư vào xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các dự án (BTO, BOT) nhằm tạo điều kiện tiền đề cho Bình Thuận đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH.

2.3.2. Về đối tác đầu tư vào Bình Thuận

Bảng 5: Mười nước đầu tư lớn nhất vào tỉnh Bình Thuận 2013

Đơn vị tính: triệu USD

STT	Nước & vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đầu tư
1	Mỹ	5	135,76
2	Hàn Quốc	16	281,19
3	Trung Quốc	4	50,68
4	Liên bang Nga	17	495,42
5	Pháp	9	30,84
6	Nhật Bản	5	16,71
7	Ukraina	2	409
8	Canada	1	100
9	Đài Loan	9	36,73
10	Hà Lan	2	15,03

Nguồn: Cục thống kê Bình Thuận

Theo thống kê đến hết tháng 12/2013 có 19 nước và khu vực lãnh thổ tham gia hoạt động đầu tư vào Bình Thuận. Phần lớn các nước đầu tư lớn nhất vào VN cũng đầu tư lớn vào Bình Thuận, phần lớn tập trung vào các nước như: Mỹ, Hàn Quốc, Nga, Ucraina. Các nước này có số vốn đầu tư vào Bình Thuận trên 100 triệu USD nhưng chưa tương xứng với tiềm năng của mỗi nước.

Nhìn chung, Bình Thuận đã thu hút được lượng vốn đầu tư nước ngoài từ các nước có trình độ phát triển cao như Mỹ, Nhật, Pháp. Tuy nhiên, lượng vốn đầu tư từ những nước này chỉ tập trung vào lĩnh vực dịch vụ đặc biệt là du lịch để khai thác thế mạnh của tỉnh. Còn các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp ít được các đối tác trên quan tâm đầu tư. Không những thế, đối với các nước có trình độ khoa học kỹ thuật công nghệ cao như Nhật Bản thì bình quân một dự án đầu tư chỉ đạt 5 triệu USD/1 dự án. Do vậy, việc tiếp cận công nghệ mới trong sản xuất của Bình Thuận gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra, các nhà đầu tư nước ngoài thuộc các nước Châu Á như: Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan là những đối tác đầu tư lớn vào Việt Nam. Nhưng ở Bình Thuận thì sự thu hút vốn đầu tư của các đối tác này còn quá khiêm tốn (tổng cộng dự án đầu tư của các nước trên chỉ đạt 29 dự án với tổng số vốn đầu tư đạt 368,6 triệu USD).

Chính vì vậy, chính quyền tỉnh Bình Thuận cần có các biện pháp khuyến khích các nhà đầu tư truyền thống gia tăng đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp có trình độ kỹ thuật cao. Đồng thời có chính sách mở rộng và thu hút những nhà đầu tư tiềm năng đầu tư lớn vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh trong quá trình thực hiện chiến lược CNH, HĐH của Bình Thuận.

3. CÁC GIẢI PHÁP GIÚP ĐẨY MẠNH THU HÚT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG FDI TẠI BÌNH THUẬN

3.1. Xây dựng định hướng chiến lược và quy hoạch tổng thể về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chiến lược thu hút FDI được xem là một hình thức biểu hiện cụ thể của chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, phản ánh sự kết hợp hài hoà của việc phát huy nội lực với phát huy nguồn lực bên ngoài để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá nền kinh tế quốc dân, là cơ sở để xây dựng các quy hoạch và kế hoạch thu hút FDI theo ngành, lĩnh vực kinh tế và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, đến nay chúng ta chưa xác định chính thức quy hoạch phát triển đối với một số ngành chủ chốt, trong khi đó một số ngành tỏ ra có sức hấp dẫn đối với nhiều nhà đầu tư thì gần như bão hoà về nhu cầu đầu tư. Đây là một trong những lý do tình trạng chùng lại và giảm sút của đầu tư TTNN vào Việt Nam. Để cải thiện tình hình này, một mặt chúng ta phải cải thiện và tăng tính hấp dẫn của các văn bản pháp quy thì việc nâng cao chất lượng quy hoạch thu hút FDI cũng trở nên cần thiết thế nên phải chú trọng công tác dự báo, cập nhật thông tin thị trường trong nước, quốc tế, đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch về kế hoạch đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch các bộ, ngành và địa phương trong việc thu hút FDI. Cần xây dựng danh mục kêu gọi dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong 5 năm tới. Điều này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài trong việc lựa chọn dự án đầu tư. Mặt khác công khai làm căn cứ cho các ngành, địa phương tính toán chủ động trong kêu gọi vốn đầu tư một cách hợp lý, có hiệu quả, giải tỏa được những bất hợp lý trong cơ cấu đầu tư nước ngoài theo kinh tế, kỹ thuật, và vùng lãnh thổ vừa qua.

Để xây dựng chiến lược tốt phải dựa trên cơ sở xác định một cách khoa học các yếu tố cần thiết để có một cơ cấu kinh tế CNH, HĐH thích hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong tương lai. Đã đến lúc chúng ta phải xem xét kỹ lưỡng hơn trong việc phê duyệt các dự án đầu tư. Đối với vấn đề này một mặt chúng ta có những chính sách ưu đãi tương xứng hơn với mức độ chênh lệch về các điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng... Giải pháp bổ sung nhằm khắc phục tình trạng này là một mặt nhà nước ta tìm cách huy động các nguồn ODA, cùng với vốn ngân sách nhằm chủ động đầu tư vào những vùng, những ngành kinh tế, cơ sở hạ tầng... Mặt khác tiếp tục nghiên cứu bổ sung các chính sách ưu đãi thoả đáng đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực công nghiệp chế biến (trong đó chú ý hơn cho công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản) đầu tư vào các vùng có cơ sở hạ tầng chưa phát triển điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

3.2. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh

Để cải thiện môi trường đầu tư, trước hết phải nhận thức được vị trí của địa phương mình trong sự so sánh với các địa phương khác, thông qua sự đánh giá của nhà đầu tư. Hiện nay ở Việt Nam, chỉ số khá hoàn chỉnh để đánh giá vấn đề này là chỉ số PCI.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2013 đã được Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam công bố ngày 20/3. Trong bảng xếp hạng PCI 2013, Bình Thuận đứng thứ 22/63 tỉnh, thành phố; tăng 25 bậc, nằm trong nhóm dẫn đầu các tỉnh xếp loại Khá; đạt 59,09 điểm, tăng 5,01 điểm so với năm 2012; cao hơn 3,07 điểm so với điểm trung vị của cả nước; thấp hơn tỉnh đứng đầu Đà Nẵng 7,36 điểm và cao hơn tỉnh đứng cuối Tuyên Quang 10,11 điểm; cao hơn các tỉnh lân cận như Đồng Nai, Bình Phước, Khánh Hòa, Lâm Đồng và Ninh Thuận. *(báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2013)*

Sau đây là một số giải pháp giúp cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư cho các doanh

ngiệp FDI:

Thứ nhất: Cải thiện chi phí gia nhập thị trường

Mục đích của việc xây dựng chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường là đánh giá sự khác nhau giữa các tỉnh về chi phí gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới ở tỉnh. Việc đánh giá chỉ số này được căn cứ vào thời gian để một nhà đầu tư hoàn tất các thủ tục như đăng ký kinh doanh, đăng ký con dấu, đăng ký mã số thuế. v.v... và thời gian nhà đầu tư chờ đợi để có mặt bằng kinh doanh. Do đó chính quyền tỉnh cần phải có những giải pháp:

- Nỗ lực trong công tác cấp phép đầu tư kinh doanh. Muốn vậy, nhất thiết phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở ban ngành. Mỗi sở ban ngành đều phải có ý thức trách nhiệm cao và đều phải nỗ lực trong công tác của mình. Thực tế tại Bình Thuận hiện nay, có những cán bộ, có những phòng ban làm việc rất nhiệt tình, rất hết mình nhưng cũng có những nơi chưa thực sự làm tốt vai trò, nhiệm vụ. “Con sâu là rầu nồi canh”. Do đó lãnh đạo tỉnh cần có những biện pháp quán triệt tư tưởng cán bộ, chặt chẽ hơn trong công tác kiểm tra, giám sát.

- Đặc biệt chú ý đến công tác giao đất, cho thuê đất. Quy hoạch càng được công khai rộng rãi thì việc di dời giải tỏa càng tránh được sự phản ứng của người dân. Đồng thời, tăng cường việc quản lý đất đai, không để dân xâm chiếm, ảnh hưởng đến khâu đền bù giải tỏa, kéo dài thời gian triển khai đầu tư.

- Phối hợp nắm bắt kịp thời và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để giải quyết, tạo điều kiện cho chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư dự án.

Thứ hai: Phát huy tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn, tính minh bạch là một trong những yếu tố quan trọng nhất để phân biệt môi trường kinh doanh nào tạo thuận lợi cho sự phát triển của khu vực tư nhân.

Về điểm này, Bình Thuận thực hiện khá tốt và được các doanh nghiệp đánh giá rất cao. Tuy đã được đánh giá cao, chính quyền tỉnh vẫn phải cố gắng hơn nữa để phát huy điểm mạnh này, vì đặc biệt đối với các nhà đầu tư nước ngoài thì họ vốn rất e dè nếu họ không được cung cấp đủ thông tin.

Thứ ba: Giảm chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước

Chi phí thực hiện các quy định của Nhà nước là khoảng thời gian để chủ dự án đến cơ quan Nhà nước giải quyết các thủ tục hành chính. Đối với các chủ đầu tư, họ thường rất ngại việc bỏ dở công việc kinh doanh để xoay sở và đương đầu với các vấn đề sự vụ giấy tờ liên quan đến quản lý hành chính của các cơ quan Nhà nước. Chỉ số này Bình Thuận hiện cũng xếp hạng khá cao. Tuy nhiên để thu hút FDI thì đây cũng là một vấn đề cần phải lưu ý và cải thiện hơn nữa. Trước hết, chính quyền cần có những quy định cụ thể về thời hạn giải quyết cho hầu hết các thủ tục hành chính. Các loại đơn từ, quy trình thủ tục cần rõ ràng và nên có biểu mẫu in sẵn. Linh động giảm những thủ tục phiền hà không cần thiết song vẫn giữ được sự quản lý chặt chẽ. Công tác thanh tra kiểm tra của cơ quan Nhà nước cũng là một trong những thủ tục khiến nhiều nhà đầu tư khó chịu, nhất là đối với các dự án đầu tư về du lịch luôn bị kiểm tra khá thường xuyên. Vì vậy, cần giữ sự chặt chẽ ngay từ khâu cấp phép, còn khi dự án đã đi vào hoạt động thì không nên có những đợt kiểm tra kéo dài. Các cơ quan

quản lý chức năng phải hoàn thành trách nhiệm thanh tra, kiểm tra song không được có những hành vi can thiệp gây tổn kém cho doanh nghiệp.

Thứ tư, Nghiêm khắc với những chi phí không chính thức

Chi phí không chính thức là số tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra để chi trả các khoản phí không chính thức, tiền phạt và các khoản phí bất thường khác trong điều kiện hoạt động kinh doanh bình thường. Đây là một chỉ số góp phần đánh giá sự trong sạch minh bạch của chính quyền tỉnh, từ đó ảnh hưởng tới môi thiện cảm của nhà đầu tư đối với các cơ quan công quyền của địa phương. Chỉ số này Bình Thuận xếp thứ 32/43 tỉnh thành. Điều đó chứng tỏ vẫn còn nhiều tình trạng nhũng nhiễu nhà đầu tư.

Thứ năm: Nâng cao tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh

Chỉ số này Bình Thuận khá thấp xếp thứ 40/42 tỉnh thành được điều tra. Đây là một điều đáng lo ngại. Vì đặc biệt đối với quản lý về đầu tư trực tiếp nước ngoài vốn là một vấn đề hết sức phức tạp, đòi hỏi chính quyền phải năng động, sáng tạo. Sự năng động, sáng tạo của chính quyền không chỉ đơn thuần do tư chất của người cán bộ như nhiều người vẫn nghĩ, mà điều đó còn có thể cải thiện thông qua những phương pháp làm việc hiệu quả.

3.3. Đối với việc lựa chọn các đối tác nước ngoài

Cần xác định chiến lược lâu dài là dành sự ưu tiên hơn cho việc thu hút các nhà đầu tư thuộc các công ty xuyên quốc gia lớn, thực thụ, tiến tới xoá bỏ tình trạng thu hút các nhà đầu tư thiếu năng lực hoặc làm trung gian môi giới đầu tư.

Thu hút được các nhà đầu tư thuộc các công ty xuyên quốc gia, các tập đoàn kinh tế lớn đồng nghĩa với việc bắt tay làm ăn hợp tác được với những chủ sở hữu mạnh, có năng lực ngăn ngừa, chống đỡ, điều chỉnh, khắc phục hiệu quả của những biến động lớn có thể xảy ra. Một trong những điều kiện có tính chất quyết định khả năng thu hút các công ty xuyên quốc gia lớn đến đầu tư là phải có các doanh nghiệp đối tác trong nước đủ mạnh về nhiều mặt. Và để có được các doanh nghiệp loại này, Nhà nước ta cần có sự lựa chọn, hỗ trợ, đầu tư xây dựng tạo cho những điều kiện, cơ hội thử thách và phát triển. Chúng ta còn có sự đầu tư thích đáng để sớm hình thành được các tập đoàn kinh tế hùng mạnh làm trụ cột cho sự phát triển kinh tế nước nhà, vừa đủ sức vươn ra hoạt động có hiệu quả trên thị trường quốc tế.

3.4. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư.

Đối với thị trường đầu tư, cần có sự nghiên cứu phân tích một cách nghiêm túc các đối tác đầu tư lớn nhất thế giới như Mỹ, Nhật Bản, EU. Tuy nhiên các nước này đầu tư vào ASEAN và Việt Nam rất dè dặt. Hiệp định thương mại có hiệu lực nếu công tác xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh ở Mỹ, Nhật, Châu Âu, Việt Nam sẽ thu hút sức mạnh của các Công ty xuyên quốc gia của các trung tâm kinh tế lớn này. Do để làm được điều này cần phải có sự quan tâm phối hợp của tất cả các cơ quan nhà nước, đồng thời phải được triển khai đồng bộ với sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương.

Thành lập bộ phận xúc tiến đầu tư tại các bộ, ngành, tổng Công ty lớn, tại một số cơ quan đại diện ở một số địa bàn trọng điểm nước ngoài.. để chủ động vận động đối với từng dự án, đầu tư có tiềm năng. Ở Việt Nam để tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả hoạt động FDI cần có sự phối hợp chặt chẽ và thống nhất giữa các bộ ngành: Bộ Ngoại giao, Bộ

Kế hoạch và Đầu tư, các bộ ngành kinh tế và các bộ khác, đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), Tài liệu của Hội nghị toàn quốc lần thứ 9 (khoá IX)
- [4]. Lê Thế Giới (số 01/2004), Môi trường đầu tư tại Việt Nam qua góc nhìn của nhà đầu tư nước ngoài, Tạp chí Kinh tế và Dự báo.
- [5]. Lưu Tiền Hải (2005), FDI: một trang sử mới đã bắt đầu, Kinh tế 2004 - 2005 Việt Nam và Thế giới.
- [6]. Dương Ngọc: *Kinh tế Việt Nam: 67 năm qua các con số*, VnEconomy